TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 58/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 11/6/2019.
Về việc: "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Trung Diễn

2. Ông Phạm Minh Đức

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Quỳnh Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Quỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 2652/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2019/QĐXX-ST ngày 23 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 146/2019/QĐST-HNGĐ ngày 23/5/2019, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị Quỳnh Tr** , sinh năm 1982;

Địa chỉ: A , Chung cư S , phường T , thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

* *Bị đơn*: Ông **Mai Văn T ,** sinh năm 1982;

Địa chỉ: H , khu phố 5, phường H , thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

(Bà Tr có đơn xin vắng mặt; ông T vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai của nguyên đơn trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bà Lê Thị Quỳnh Tr trình bày:

Bà Tr và ông Mai Văn T tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ , huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 98/KH-TPX, Quyển 1/2008 ngày 22/10/2008). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc trong thời gian đầu, nhưng về

sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng trong đời sống cũng như cách nuôi dạy con cái. Nguyên nhân là do ông T không quan tâm chăm sóc gia đình, đam mê vào các thú vui khác. Vào năm 2014, bà đã nộp đơn ra Tòa xin ly hôn với ông T , nhưng do con còn nhỏ và cũng muốn cho ông T một cơ hội nên bà đã rút đơn. Mâu thuẫn của vợ chồng mặc dù đã nhiều lần hòa giải và đã được gia đình hai bên khuyên bảo nhưng không giải quyết được. Nay bà nhận thấy cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và bà xác định cũng không còn tình cảm với ông T nữa, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T .

Về con chung: Có 01 con chung Mai Gia P , sinh ngày 16/10/2011. Ly hôn, bà Tr yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung và đây cũng là nguyện vọng của cháu P . Về cấp dưỡng nuôi con, tạm thời bà Tr không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: bà Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết, để tự thỏa thuận. Về nợ chung bà Tr xác định không có.

* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục tống đạt, niêm yết hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đối với bị đơn để tự khai; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng bị đơn đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến và không tiến hành hòa giải giữa các bên đương sự được. Tại phiên tòa hôm nay, ông Mai Văn T vẫn vắng mặt.

** Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu:*

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đã thực hiện đúng.

Việc tuân theo pháp luật của các bên đương sự: nguyên đơn thực hiện đúng, bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo pháp luật tố tụng dân sự quy định.

+ Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Bà Lê Thị Quỳnh Tr và ông Mai Văn T tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường xã Đ , huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 98/KH-TPX, Quyển 1/2008 ngày 22/10/2008), nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Qua xem xét các tài tiệu chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng bà Tr , ông T là có thật, vào năm 2015 bà Tr đã một lần nộp đơn xin ly hôn với ông T nhưng sau đó bà Tr rút đơn nhằm tạo cơ hội để vợ chồng hàn gắn, nhưng đến nay không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Tr , giải quyết cho bà Tr được ly hôn với ông T .

Về con chung: Có 01 con chung Mai Gia P , sinh ngày 16/10/2011. Nhận thấy, nguyện vọng của cháu P muốn được ở với mẹ, nên đề nghị Tòa án giao con chung cho bà Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con, bà Tr không yêu cầu, nên tạm thời ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Do hiện nay chưa có lời khai của ông T , nên đề nghị tách ra để giải quyết bằng vụ án khác khi các bên đương sự có yêu cầu.

- Về án phí HNGĐ-ST: Bà Tr phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bà Lê Thị Quỳnh Tr xin ly hôn với ông Mai Văn T , có địa chỉ cư trú tại: H , khu phố 5, phường H , thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân TP. Biên Hòa có thẩm quyền giải quyết.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với nguyên đơn bà Lê Thị Quỳnh Tr đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn ông Mai Văn T , mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ xét xử đến lần thứ hai, nhưng ông T vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Lê Thị Quỳnh Tr và ông Mai Văn T tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ , huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai *(theo Giấy chứng nhận kết hôn số 98/KH-TPX, Quyển 1/2008 ngày 22/10/2008)*. Căn cứ Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, bà Tr nộp đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông T , theo bà trình bày là do vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng trong đời sống vợ chồng, bản thân ông T không quan tâm chăm sóc gia đình. Qua xác minh tại địa phương về mâu thuẫn vợ chồng, mặc dù địa phương không nắm rõ về gia đình và mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Tr và ông T , nhưng qua xem xét lời khai của bà Tr và các tài liệu do Tòa án thu thập, thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng bà giữa bà Tr và ông T là có thật. Vào tháng 01/2015 bà Tr đã một lần nộp đơn xin ly hôn với ông T và đã được Tòa án nhân dân TP. Biên Hòa thụ lý, nhưng sau đó bà Tr đã tự nguyện rút đơn ly hôn nhằm tạo cơ hội để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ, đến nay bà Tr lại tiếp tục nộp đơn xin ly hôn với ông T , chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng là không thể khắc phục và việc hàn gắn tình cảm vợ chồng không đem lại kết quả.

Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông T đến Tòa án để tham gia hòa giải, nhưng ông T vắng mặt, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và tại phiên tòa hôm nay ông T vẫn vắng mặt không lý do, điều đó chứng tỏ ông T đã tự bỏ mặc tình trạng hôn nhân của mình, không còn tha thiết với việc hàn gắn đoàn tụ. Từ đó cho thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng bà Tr , ông T đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng thật sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Tr , giải quyết cho bà Tr được ly hôn với ông T để trả tự do cả hai.

[4] Về con chung:

Bà Tr và ông T có 01 con chung là Mai Gia P , sinh ngày 16/10/2011. Bà Tr yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Xét thấy, hiện nay cháu P còn nhỏ và đang sống cùng với bà Tr , trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thu thập lời khai của cháu P , nguyện vọng của cháu P muốn được ở với mẹ. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung cho bà Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, bà Tr không yêu cầu, nên tạm thời ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Bà Tr trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo pháp luật quy định.

[5] Về tài sản chung, nợ chung:

Theo bà Tr trình bày tài sản chung để tự thỏa thuận; nợ chung không có. Tuy nhiên, do ông T vắng mặt tại phiên tòa, không có lời khai nên không có cơ sở để xem xét giải quyết. Do vậy, cần tách ra để giải quyết bằng vụ án khác khi các bên đương sự có yêu cầu.

[6.] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bà Lê Thị Quỳnh Tr phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 266, 271, 273; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 131; khoản 1 Điều 56; Điều 58, Điều 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu "Ly hôn" của bà Lê Thị Quỳnh Tr .

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Quỳnh Tr được ly hôn với ông Mai Văn T .

2. Về con chung: Có 01 con chung Mai Gia P , sinh ngày 16/10/2011.

Giao con chung Mai Gia P cho bà Lê Thị Quỳnh Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời ông Mai Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Mai Văn T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Bà Lê Thị Quỳnh Tr trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo pháp luật quy định.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tách ra để giải quyết bằng vụ án khác khi các bên đương sự có yêu cầu.

4. Về án phí: Bà Lê Thị Quỳnh Tr phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, theo biên lai thu số 009977 ngày 14/12/2018.

5. Bà Lê Thị Quỳnh Tr và ông Mai Văn T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Văn Hùng

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND TP Biên Hòa (1);
- THADS TP Biên Hòa (1);
- UBND xã Đ , huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai (1);
- Đương sự (2);
- Lưu hồ sơ vụ án (1).